TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2022.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Hữu Thiện;
2. Ông Mai Văn Tự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Số 130/11 khu phố Ninh L, phường Ninh T, thành phố T1, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Tổ 01 ấp Ninh P, xã B, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M trình bày:

Ông và bà Trần Thị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1984, có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn, đến thời điểm hiện tại vẫn chưa đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống với nhau tại khu phố Ninh L, phường Ninh T, thành phố T1, tỉnh Tây Ninh. Sau khoảng thời gian chung sống hạnh phúc, thì vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không còn tôn trọng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Bà N về nhà tại Tổ 01 ấp Ninh P, xã B, Huyện

Dương Minh C, tỉnh Tây Ninh sinh sống từ năm 2015 và vợ chồng ông bà ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Từ khi ly thân ông và bà N không còn liên lạc, không quan tâm và bà N cũng không hàn gắn tình cảm với ông. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị N.

Về con chung: Có 04 con chung là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 14-3-1985; Nguyễn Sơn Đ, sinh ngày 05-10-1986; Nguyễn Phước V, sinh ngày 02-9-1991 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 04-4-1992. Hiện các con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị N: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà N vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Hữu M đối với bà Trần Thị N. Về con chung: Các con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hữu M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị N có địa chỉ cư trú tại Tổ 01 ấp Ninh P, xã B, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây Ninh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bà Trần Thị N là bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được

quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Trần Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng bà N vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà N tự nguyện chung sống với nhau năm 1984, có tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn và đến thời điểm khởi kiện vẫn chưa đăng ký kết hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông M và bà N bắt đầu vào năm 1984 nên được xem là hôn nhân thực tế theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ông M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà N vì quá trình chung sống ông M và bà N phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Từ khi ly thân, ông bà không còn qua lại, chăm sóc lẫn nhau. Về phía bà N tuy đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mà không có lý do, thể hiện việc bà N từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình cũng như không mong muốn đoàn tụ với ông M.

Do đó, có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân của ông M và bà N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông M đối với bà N là đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 04 con chung là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 14-3-1985; Nguyễn Sơn Đ, sinh ngày 05-10-1986; Nguyễn Phước V, sinh ngày 02-9-1991 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 04-4-1992. Hiện các con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Xét lời đề nghị tại phiên toà của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Hữu M đối với bà Trần Thị N.

1.1 Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu M được ly hôn với bà Trần Thị N.

1.2 Về con chung: Có 04 con chung là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 14-3-1985; Nguyễn Sơn Đ, sinh ngày 05-10-1986; Nguyễn Phước V, sinh ngày 02-9-1991 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 04-4-1992. Hiện các con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra để giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011980 ngày 27-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Ông M có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà N được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.